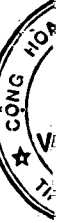


**NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
(CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1446/QĐ-SGDĐT ngày 14 tháng 12 năm 2021
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang)*

Kiên Giang, tháng 12/2021



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG.....	3
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	3
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	5
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.....	6
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC	11
LỚP 10	13
LỚP 11.....	15
LỚP 12.....	17
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC	20
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	25
VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	26

I. ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

- Nội dung giáo dục địa phương (GDĐP) tỉnh Kiên Giang cấp trung học phổ thông (THPT) nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết cơ bản về Văn hóa, Lịch sử, Địa lí, Kinh tế, Chính trị - Xã hội, Môi trường, Hướng nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Từ đó, góp phần bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, đất nước, tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc, góp phần xây dựng văn hóa, kinh tế - xã hội ngày càng phát triển.

- Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT góp phần hình thành các năng lực, phẩm chất học sinh được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Bên cạnh đó, phát triển cho học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp; năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức (tự nhiên, văn hóa, xã hội) vào thực tiễn, ứng xử với tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường tại địa phương.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT tuân thủ các quy định trong Chương trình tổng thể, nhấn mạnh một số quan điểm sau:

1. Phù hợp với định hướng giáo dục địa phương

- Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT hướng tới hình thành, phát triển ở học sinh tư duy khoa học, nhìn nhận thế giới như một chỉnh thể theo cả về không gian và thời gian trên cơ sở những năng lực cơ bản, các công cụ học tập và nghiên cứu từ đó hình thành và phát triển các năng lực đặc thù và năng lực chung, đặc biệt là khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn và khả năng sáng tạo.

ĐỤC
TẠO
GIÁO

- Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT được kế thừa kiến thức từ các chương trình học cơ bản, tài liệu tìm hiểu về các vấn đề kinh tế - xã hội hiện hành tại Việt Nam và các tài liệu chính thức của địa phương, đảm bảo phù hợp với thời kỳ, thực trạng tại Việt Nam nói chung và tỉnh Kiên Giang nói riêng; đồng thời đảm bảo cách thức tiếp cận năng lực cơ sở và cập nhật kiến thức mới nhất trong các lĩnh vực Văn hóa, Lịch sử, Địa lí, Kinh tế, Xã hội, Môi trường, Hướng nghiệp.

2. Thực hiện giáo dục định hướng nghề nghiệp

Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT được xây dựng làm cơ sở cho các quy trình, mô hình gắn với các lĩnh vực ngành nghề, vì vậy trong yêu cầu cần đạt của từng chủ đề luôn yêu cầu học sinh liên hệ với các ngành nghề liên quan.

Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT nhằm tăng cường nhận thức về tự nhiên, môi trường, văn hóa, xã hội, kinh tế của tỉnh Kiên Giang nhằm phục vụ cho các ngành nghề học tập trong tương lai của học sinh địa phương.

3. Thực hiện giáo dục phát triển bền vững

Chương trình nội dung GDĐP kế thừa, phát huy ưu điểm trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và tiếp thu kinh nghiệm phát triển chương trình môn học của cả nước. Nội dung bảo đảm trang bị cho học sinh tri thức phổ thông nền tảng, toàn diện, khoa học; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và trình độ nhận thức của học sinh, có tính đến các điều kiện dạy học của các trường học ở Kiên Giang.

Chương trình nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT được thiết kế theo mạch thời gian, kiến thức. Chú trọng lựa chọn các chủ đề, kết nối kiến thức và kĩ năng để hình thành và phát triển năng lực ở học sinh, đồng thời giúp học sinh phát triển khả năng thích ứng trong một thế giới biến đổi không ngừng; khả năng chung sống hài hòa với thiên nhiên và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

Chương trình nội dung GDĐP có tính mở, cho phép thực hiện mềm dẻo, linh hoạt tùy theo điều kiện của địa phương, đối tượng học sinh (học sinh vùng khó khăn, học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt,...).



III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT gồm một số vấn đề cơ bản hoặc thời sự về địa phương như: Lịch sử hình thành và phát triển, truyền thống quê hương; lễ hội, nghệ thuật truyền thống, di tích lịch sử, danh nhân văn hóa; phong tục, tập quán địa phương. Địa lí, dân cư; cảnh quan thiên nhiên, môi trường tự nhiên; ngành nghề, làng nghề truyền thống của địa phương. Một số nội dung về kinh tế, xã hội, chính sách an sinh xã hội; giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; xây dựng nếp sống văn minh, tôn trọng kỷ cương, pháp luật; bảo vệ môi trường tự nhiên tại địa phương, an toàn giao thông. Nội dung GDĐP gắn với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương; các hoạt động giáo dục tư tưởng chính trị, từ thiện vì cộng đồng tại địa phương; các hoạt động xã hội và tìm hiểu một số nghề nghiệp gần gũi với học sinh..., góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh cấp THPT.

Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT là nội dung giáo dục bắt buộc trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhằm thực hiện mục tiêu môn học, giúp học sinh gắn kết những năng lực được học với những vấn đề văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, hướng nghiệp, chính trị - xã hội, môi trường của Kiên Giang. Từ đó, góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT tăng cường tính thực tiễn, trải nghiệm của học sinh Kiên Giang, gắn giáo dục nhà trường với cộng đồng, gắn những năng lực đã học trong nhà trường với những vấn đề đặt ra ở tỉnh Kiên Giang, cộng đồng nơi học sinh sinh sống. Trên cơ sở đó, giúp học sinh khai thác, bổ sung vốn hiểu biết của mình về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, hướng nghiệp, chính trị - xã hội, môi trường của Kiên Giang, giúp học sinh hòa nhập hơn với môi trường đang sinh sống, có trách nhiệm hơn trong việc tìm hiểu, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa của Kiên Giang và đất nước.



IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT hình thành và phát triển ở học sinh năng lực văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, chính trị - xã hội, môi trường, hướng nghiệp với các biểu hiện được trình bày trong bảng sau:

a. Năng lực văn hóa

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Nhận thức các giá trị văn hóa	- Nhận biết và bước đầu biết phân tích, đánh giá các thành phần cấu thành văn hóa. - Hiểu một số thể loại văn học địa phương qua các giai đoạn. - Vận dụng các nguyên tắc nhận thức các giá trị văn hóa và khả năng suy luận của bản thân để nhận biết các giá trị văn hóa trong cuộc sống.
Thực hành các giá trị văn hóa	- Nhận biết và phân biệt được các thành tố văn hóa: âm nhạc, trang phục, lễ hội, phong tục tập quán, di sản văn hóa, thơ văn hiện đại về địa phương... - Thực hành một số hoạt động văn hóa như tập sử dụng hoặc trình diễn một số nhạc cụ truyền thống ở địa phương.

X.H.
SỞ
GIÁO
DỤC
ĐÀ
NG
KTH

b. Năng lực lịch sử

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Tìm hiểu lịch sử địa phương	- Mô tả và trình bày những nét chính quá trình lịch sử Kiên Giang với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả có sử dụng sơ đồ, lược đồ, bản đồ lịch sử,... gắn với các di tích, di vật tiêu biểu của các thời kỳ lịch sử. - Tìm hiểu một số nhân vật lịch sử tiêu biểu ở Kiên Giang (tiểu sử, sự nghiệp,...). - Trình bày bối cảnh lịch sử địa phương, nhân tố tác động đến sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, quá trình lịch sử ở địa phương. - Giải thích kết quả của sự kiện, diễn biến chính của sự kiện lịch sử.
Tư duy lịch sử địa phương	- Trình bày diễn biến chính của sự kiện lịch sử, giải thích kết quả của sự kiện. - Trình bày chủ kiến của mình về các sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử địa phương,... như lập luận khẳng định hoặc phủ định các nhận định, nhận xét về một sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử địa phương. - Vận dụng để phân tích được tác động của bối cảnh không gian, thời gian đến các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử; tự hào truyền thống của các anh hùng dân tộc địa phương.

c. Năng lực địa lí

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Nhận thức địa lí địa phương	- Biết cách sử dụng các phương tiện khác nhau: Các tranh ảnh, bản đồ treo tường, đặc biệt là la bàn để xác định đúng phương hướng; biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ tự nhiên, hành chính của tỉnh, thành phố và các huyện. - Hiểu các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế - xã hội có liên quan đến địa lí địa phương. - Phân tích những thuận lợi và khó khăn về vị trí địa lí của tỉnh Kiên Giang. - Vận dụng để đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự

	phân bố dân cư và sản xuất, nhận thức được sự tác động của con người lên môi trường tự nhiên có liên quan ở địa phương.
Tìm hiểu địa lí	- Biết cách tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về địa phương, về xu hướng phát triển; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí; biết cập nhật thông tin, liên hệ thực tế để tìm hiểu về địa lí địa phương. - Tìm hiểu vai trò của địa lí tỉnh đối với sự phát triển kinh tế của địa phương. - Thực hiện cách thức khám phá địa lí địa phương ở thực tiễn, có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn. - Vận dụng để có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm về địa lí địa phương.

d. Năng lực kinh tế

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Nhận thức khả năng phát triển ngành nghề	- Biết các ngành nghề đang phát triển trên địa bàn tỉnh Kiên Giang dựa vào tiềm năng và năng lực phát triển kinh tế của địa phương. - Tìm hiểu mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với khai thác hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường. - Hiểu đặc điểm các ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương: Tỉnh và liên tỉnh. - Vận dụng để phát triển một số ngành nghề ở địa phương cụ thể như: Nông - lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp; dịch vụ và du lịch ở địa phương.
Thích ứng với nghề nghiệp trong tương lai	- Biết tầm quan trọng của việc thích ứng với nghề nghiệp trong tương lai. - Hiểu một số nguyên tắc thể hiện thái độ ứng xử đúng đắn với nghề nghiệp trong tương lai, từ đó phát triển nghề nghiệp cá nhân trong bối cảnh của địa phương. - Vận dụng để định hướng cho nghề nghiệp tương lai và hình thành nhân cách công dân, sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cụ thể là ở địa phương, khu vực...



e. Năng lực chính trị - xã hội

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Tự chủ	- Biết chủ động, tích cực tìm hiểu về các các vấn đề giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống. Hiểu những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó. Thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập và trong cuộc sống một cách chủ động, tích cực. - Hiểu một số nguyên tắc cơ bản về quyền, nhu cầu cá nhân; biết cách bày tỏ, thể hiện và thực hiện một số quyền lợi và nhu cầu chính đáng. Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề nảy sinh trong những tình huống mới. - Vận dụng để làm chủ cảm xúc, tình cảm của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi; làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống. Kiên trì thực hiện kế hoạch học tập, lao động bằng sự nỗ lực của bản thân.
Phát triển bản thân	- Biết sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân. - Hiểu một số nguyên tắc để phát triển bản thân hiệu quả trong điều kiện và bối cảnh cụ thể. - Vận dụng để xác định được lí tưởng sống của bản thân; rèn luyện các vấn đề về tư tưởng, đạo đức, lối sống; hướng phát triển phù hợp của bản thân trong bối cảnh cụ thể.
Tìm hiểu và tham gia các hoạt động phát triển chính trị - xã hội	- Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống chính trị - xã hội liên quan đến tư tưởng, đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống phù hợp với lứa tuổi. - Biết cách thu thập, xử lí thông tin ở mức cơ bản để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề phù hợp với tư tưởng, đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống, lứa tuổi và đề xuất hướng giải quyết trong điều kiện, bối cảnh cụ thể. - Hiểu một số kiến thức phổ thông, cơ bản về tư tưởng, đạo đức, lối sống, kĩ năng sống trong cộng đồng địa phương. - Vận dụng để hình thành và duy trì được mối quan hệ tích cực với những người xung



	quanh, thích ứng được với xã hội biến đổi đang diễn ra ở địa phương và thực tiễn xã hội; hình thành được ý tưởng mới trong cuộc sống, có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận một số vấn đề liên quan đến tư tưởng, đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống.
--	--

g. Năng lực môi trường

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Tìm hiểu về ô nhiễm môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu	- Nhận biết được những biểu hiện của ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu diễn ra ở địa phương. - Hiểu được tầm quan trọng của bảo tồn đa dạng sinh học tại Kiên Giang. - Tìm hiểu bảo tồn đa dạng sinh học tại địa phương. - Vận dụng để phân tích được thực trạng, nguyên nhân ô nhiễm môi trường tại địa phương và khu vực có liên quan; giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.
Vận dụng các kiến thức đã học để góp phần bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu tại địa phương	- Biết được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu tại địa phương. - Hiểu một số yêu cầu để có thái độ và hành vi ứng xử thích hợp để bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, đồng thời bảo vệ tính đa dạng sinh học. - Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để giải thích, đánh giá hiện tượng thường gặp trong tự nhiên và trong đời sống, cụ thể là các vấn đề có liên quan đến địa phương.

h. Năng lực hướng nghiệp

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Thích ứng với cuộc sống	- Biết tầm quan trọng của môi trường sống nhất là bối cảnh của cá nhân, gia đình và điều kiện của địa phương. - Hiểu những đặc điểm của bản thân để thích ứng với nghề nghiệp tại địa phương. - Vận dụng hiểu biết về bản thân, môi trường và yêu cầu của sự thích ứng để điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi.

X.H.C
SỞ
GIÁO
DỤC
ĐÀ
NG
KH

Thiết kế và tổ chức hoạt động	- Lập kế hoạch về nghề nghiệp tương lai trong bối cảnh cụ thể. - Thực hiện kế hoạch đánh giá và điều chỉnh hoạt động của cá nhân liên quan đến hoạt động hướng nghiệp. - Đánh giá hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm có liên quan đến hướng nghiệp để phát triển năng lực hướng nghiệp hiệu quả trong bối cảnh hiện nay.
Định hướng nghề nghiệp	- Biết về thị trường lao động tại địa phương và các ngành nghề, làng nghề truyền thống của địa phương. - Hiểu một số nguyên tắc rèn luyện phẩm chất, năng lực liên quan đến nghề nghiệp trong thực tiễn địa phương và triển vọng phát triển của địa phương. - Vận dụng để rèn luyện kỹ năng ra quyết định và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp của bản thân trong bối cảnh cụ thể.

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang cấp THPT gồm 7 lĩnh vực: Văn hóa, Chính trị - Xã hội, Lịch sử, Địa lí, Kinh tế, Môi trường và Hướng nghiệp; mỗi lĩnh vực được thiết kế theo mạch nội dung riêng. Mức độ tích hợp được thể hiện ở ba cấp độ: Tích hợp nội môn (trong từng nội dung giáo dục của 7 lĩnh vực), tích hợp nội dung từng lĩnh vực trong những phần phù hợp bài của lĩnh vực khác và tích hợp theo các chủ đề chung.

Mạch nội dung của lĩnh vực Văn hóa được sắp xếp từ việc giới thiệu một số thành tố văn hóa đặc trưng của Kiên Giang đến việc hình thành một số hiểu biết nhất định về văn hóa và vai trò của văn hóa trong đời sống kinh tế - xã hội.

Mạch nội dung của lĩnh vực Xã hội được sắp xếp từ những vấn đề giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh từ lớp 10 đến lớp 12. Từ đó, giúp các em có nền tảng kiến thức cơ bản để tìm hiểu các chính sách an sinh xã hội của địa phương.

VI
DỤC
TẠO
N GI

Mạch nội dung của lĩnh vực Lịch sử được sắp xếp một cách logic, tổng quát, ngắn gọn theo tiến trình lịch sử từ Thời đại đồ đá cũ đến nay. Trong từng thời kì, không gian lịch sử địa phương được đối chiếu với lịch sử Việt Nam nhằm lí giải, làm sáng rõ những vấn đề lịch sử địa phương trong tiến trình lịch sử chung của dân tộc.

Mạch nội dung của lĩnh vực Địa lí được sắp xếp theo logic không gian là chủ đạo, đi từ địa lí tự nhiên tỉnh Kiên Giang đến địa lí dân cư và địa lí kinh tế tỉnh Kiên Giang.

Mạch nội dung của lĩnh vực Kinh tế được sắp xếp theo các ngành nghề phổ biến và điển hình ở Kiên Giang từ nông, lâm nghiệp đến công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Mạch nội dung của lĩnh vực Môi trường được thiết kế với những nội dung bao gồm: Đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Kiến thức về mỗi khối lớp bao gồm: Ý nghĩa, tầm quan trọng của đa dạng sinh học rừng ở Kiên Giang, tác động của biến đổi khí hậu ở Kiên Giang, vận dụng các kiến thức đã học để bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu thực hiện các dự án/hoạt động thực tiễn.

Mạch nội dung của lĩnh vực Hướng nghiệp được sắp xếp từ hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp đến hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực phù hợp với định hướng nghề nghiệp và hoạt động lựa chọn hướng nghề nghiệp và lập kế hoạch học tập theo định hướng nghề nghiệp.



2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

LỚP 10

STT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số tiết
I.	LĨNH VỰC LỊCH SỬ, VĂN HOÁ		
1.	Chủ đề: Di tích lịch sử – văn hoá của tỉnh Kiên Giang	– Khái quát được hệ thống di tích lịch sử – văn hóa của tỉnh Kiên Giang (3 thể loại khác nhau). – Nắm được một số nét cơ bản về một số di tích tiêu biểu: + Di tích lịch sử văn hóa. + Di tích lịch sử văn hóa quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc; Di tích lịch sử văn hóa quốc gia Mộ và Đình Nguyễn Trung Trực (Rạch Giá). + Di tích kiến trúc nghệ thuật: Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia Chùa Sóc Xoài (Khmer), Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia Chùa Quan Đế (người Hoa), Di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia Ngôi nhà số 21 đường Nguyễn Văn Trỗi. + Di tích danh lam thắng cảnh: Di tích thắng cảnh quốc gia Núi Đá Dựng (Hà Tiên), Di tích thắng cảnh quốc gia Bãi Dương - Chùa Hang – Hòn Phụ Tử (Kiên Lương). – Nhận xét được về vai trò, giá trị của các di tích lịch sử – văn hóa của tỉnh Kiên Giang.	6
2.	Chủ đề: Văn học dân gian ở tỉnh Kiên Giang	– Trình bày được những nét khái quát của văn học dân gian Kiên Giang. – Đọc hiểu được một số tác phẩm văn học dân gian Kiên Giang. – Thực hiện được một nghiên cứu về văn học dân gian ở địa phương (sưu tầm, giới thiệu, viết báo cáo ...).	6



II.	LĨNH VỰC ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP		
1.	Chủ đề: Nguồn lực phát triển kinh tế	– Trình bày được vai trò của các nguồn lực đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Kiên Giang. – Nêu khái quát vị thế của tỉnh Kiên Giang về kinh tế – xã hội trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. – Sử dụng được lược đồ/bản đồ, bảng số liệu thống kê, biểu đồ để trình bày về các nguồn lực của tỉnh. – Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế tỉnh Kiên Giang và nhận xét, giải thích. – Viết báo cáo về một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế tại địa phương.	6
2.	Chủ đề: Thế giới nghề nghiệp quanh ta	– Xác định được những hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ điển hình của tỉnh Kiên Giang. – Tìm hiểu được những điều kiện đảm bảo an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp trong các lĩnh vực nghề nghiệp hiện có tại tỉnh Kiên Giang. – Đánh giá được sở thích, năng lực của bản thân và vận dụng lựa chọn nghề có liên quan đến các nghề nghiệp hiện có ở tỉnh Kiên Giang. – Xây dựng được định hướng học tập, rèn luyện bản thân phù hợp với dự định nghề nghiệp đã chọn. – Trình bày được một số thông tin cơ bản về một số ngành nghề đào tạo hiện có ở tỉnh Kiên Giang.	6
III.	LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG		
1.	Chủ đề: Công tác giáo dục pháp luật ở tỉnh Kiên Giang	– Nêu được những nét cơ bản trong công tác giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Kiên Giang trong những năm gần đây. – Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. – Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.	3

2.	Chủ đề: Bảo tồn và phát triển cảnh quan thiên nhiên ở Kiên Giang	– Trình bày được giá trị một số cảnh quan thiên nhiên của địa phương: Khu bảo tồn núi Đá vôi Hà Tiên – Kiên Lương, Khu RAMSA U Minh Thượng. – Điều tra được một số tác động tích cực và tiêu cực trong hoạt động khai thác, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên ở địa phương (thông qua báo, đài, phỏng vấn chuyên gia...). – Xây dựng và thực hiện được kế hoạch tuyên truyền bảo vệ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương.	4
----	---	---	---

TỔNG 31 TIẾT + 4 TIẾT (ÔN TẬP + KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ) = 35 TIẾT

LỚP 11

STT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số tiết
I.	LĨNH VỰC LỊCH SỬ, VĂN HOÁ		
1.	Chủ đề: Danh nhân/nhân vật tiêu biểu của tỉnh Kiên Giang	– Khái niệm về danh nhân. – Khái quát chung về các danh nhân/nhân vật tiêu biểu (trong các lĩnh vực: chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học – công nghệ, giáo dục – đào tạo) của tỉnh Kiên Giang hoặc có đóng góp lớn đối với tỉnh Kiên Giang. – Giới thiệu được những nét chính về thân thế, sự nghiệp và nhận xét được vai trò, đóng góp chính của các danh nhân/nhân vật tiêu biểu đối với quê hương Kiên Giang và đối với lịch sử dân tộc. – Biết trân trọng, tự hào về những danh nhân/nhân vật tiêu biểu của quê hương.	6
2.	Chủ đề: Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa ở tỉnh Kiên Giang	– Trình bày được khái niệm, phân loại, giá trị di sản văn hóa. – Đánh giá được giá trị của di sản văn hóa đối với lĩnh vực giáo dục, văn hóa, du lịch của tỉnh Kiên Giang.	3

		– Xây dựng được kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ở tỉnh Kiên Giang.	
3.	Chủ đề: Văn học trung đại ở tỉnh Kiên Giang	– Trình bày được những nét khái quát của văn học trung đại (thời phong kiến và thời Pháp thuộc) ở tỉnh Kiên Giang. – Đọc hiểu được một số tác phẩm văn học trung đại ở tỉnh Kiên Giang. – Có tình yêu, niềm tự hào đối với các tác giả, tác phẩm văn học trung đại của địa phương.	3
II.	LĨNH VỰC ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP		
1.	Chủ đề: Kinh tế Kiên Giang: hội nhập và phát triển	– Trình bày được định hướng phát triển kinh tế của tỉnh Kiên Giang. – Trình bày được tình hình phát triển kinh tế đối ngoại của tỉnh Kiên Giang. – Sử dụng số liệu, bảng biểu thống kê để nhận xét và giải thích về tình hình thu hút đầu tư nước ngoài của tỉnh. – Viết được báo cáo về một thế mạnh kinh tế đối ngoại nổi bật của tỉnh.	6
2.	Chủ đề: Các yêu cầu của nghề nghiệp	– Phân tích được yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với người lao động ở một số ngành nghề hiện có ở Kiên Giang. – Nắm được nhu cầu tuyển dụng của các ngành nghề hiện có ở tỉnh Kiên Giang. – Đánh giá được sự phù hợp của bản thân thông qua trải nghiệm nghề nghiệp đang có ở Kiên Giang. – Chỉ ra được khó khăn, thuận lợi đối với người lao động trong việc đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng ở địa phương và một số địa phương khác.	6
III.	LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG		
1.		– Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về hôn nhân – gia đình và bình đẳng giới trong các lĩnh vực.	3

	Chủ đề: Hôn nhân – gia đình và bình đẳng giới ở tỉnh Kiên Giang	– Trình bày được những nét cơ bản về công tác tuyên truyền, phổ biến và thực hiện pháp luật về hôn nhân, gia đình và bình đẳng giới trong những năm gần đây ở tỉnh Kiên Giang. – Đánh giá được các hành vi vi phạm luật hôn nhân – gia đình và bình đẳng giới trong các tình huống cụ thể của đời sống thực tiễn. – Thực hiện được quy định của pháp luật về hôn nhân – gia đình và bình đẳng giới. – Hiểu được trách nhiệm của bản thân trong thực hiện được quy định của pháp luật về hôn nhân – gia đình và bình đẳng giới.	
2.	Chủ đề: Phát triển nông nghiệp xanh ở Kiên Giang	– Tìm hiểu được một số mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, sạch ở địa phương. – Đề xuất được một số cách thức để sản xuất nông nghiệp theo hướng xanh, sạch ở địa phương (thủy canh,...). – Thực hiện được dự án: Điều tra sử dụng phân bón ở địa phương hoặc thực hành trồng cây với các kỹ thuật bón phân phù hợp.	4

TỔNG 31 TIẾT + 4 TIẾT (ÔN TẬP+ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ) = 35 TIẾT

LỚP 12

STT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Số tiết
I.	LĨNH VỰC LỊCH SỬ, VĂN HOÁ		
1.	Chủ đề: Truyền thống yêu nước của nhân dân các dân tộc tỉnh Kiên Giang	– Hiểu được khái niệm yêu nước, truyền thống yêu nước, những vấn đề cụ thể của yêu nước. – Khẳng định được truyền thống yêu nước là nét nổi bật của nhân dân các dân tộc tỉnh Kiên Giang. – Nêu được những yếu tố tác động đến sự hình thành truyền thống lịch sử	3



		văn hóa tỉnh Kiên Giang. – Nêu được những ví dụ cụ thể về truyền thống yêu nước của nhân dân Kiên Giang qua các thời kỳ lịch sử. – Nâng cao tinh thần yêu nước của bản thân, tu dưỡng, rèn luyện trong học tập và góp phần phát triển quê hương.	
2.	Chủ đề: Tỉnh Kiên Giang trong công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế	– Giải thích được khái niệm đổi mới, toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế. – Trình bày được những thuận lợi và khó khăn của Kiên Giang khi tiến hành công cuộc đổi mới trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế. – Nêu được một số thành tựu của Kiên Giang trong tiến trình đổi mới, hội nhập quốc tế. – Đề xuất được một số giải pháp phù hợp với Kiên Giang nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, thúc đẩy sự hợp tác bền vững với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.	3
3.	Chủ đề: Văn học hiện đại Kiên Giang trong bối cảnh hiện nay	Trình bày được những nét khái quát của văn học hiện đại ở tỉnh Kiên Giang (từ 1945 đến nay). – Đọc hiểu được một số tác phẩm văn học hiện đại ở tỉnh Kiên Giang. – Thực hiện được một dự án chuyển thể văn học hiện đại ở địa phương.	6
II.	LĨNH VỰC ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP		
1.	Chủ đề: Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, công nghiệp	– Liệt kê được các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, công nghiệp của tỉnh Kiên Giang. – Trình bày được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, công nghiệp điển hình tại tỉnh Kiên Giang. – Sử dụng lược đồ/bản đồ, số liệu, biểu đồ, dữ liệu,... để trình bày về hình thức tổ chức lãnh thổ của tỉnh. – Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, số liệu,... để giới thiệu về hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, công nghiệp của tỉnh.	6

		– Lên kế hoạch trải nghiệm thực tế một số hình thức tổ chức lãnh thổ tại địa phương.	
2.	Chủ đề: Chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai	– Đánh giá được sự phù hợp và xác định thứ tự ưu tiên các phù hợp với đặc điểm của bản thân và đặc điểm phát triển nghề nghiệp ở tỉnh Kiên Giang. – Xây dựng được kế hoạch rèn luyện một số phẩm chất và năng lực phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp của tỉnh Kiên Giang cũng như xu hướng nghề nghiệp hiện nay. – Lựa chọn được cơ sở đào tạo và giáo dục nghề nghiệp phù hợp với lựa chọn nghề nghiệp của bản thân. – Nắm bắt được thông tin thị trường lao động và cơ hội nghề nghiệp đối với nghề nghiệp mà bản thân lựa chọn.	6
III.	LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG		
1.	Chủ đề: Bảo hiểm và an sinh xã hội ở tỉnh Kiên Giang	– Nêu được các loại bảo hiểm và chính sách an sinh xã hội cơ bản ở Kiên Giang. – Trình bày được sự cần thiết của bảo hiểm và an sinh xã hội đối với người dân tỉnh Kiên Giang. – Thực hiện được trách nhiệm của công dân về bảo hiểm và an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.	3
2.	Chủ đề: Ứng phó với biến đổi khí hậu ở Kiên Giang	– Trình bày được khái niệm, các biểu hiện của biến đổi khí hậu ở địa phương. – Giải thích được nguyên nhân của biến đổi khí hậu. – Phân tích được các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả ở địa phương. – Giải thích được tầm quan trọng và sự cấp bách của ứng phó với biến	4



		đổi khí hậu. – Thực hiện được dự án nghiên cứu, đề xuất được giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương.	
--	--	--	--

TỔNG 31 TIẾT + 4 TIẾT (ÔN TẬP + KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ) = 35 TIẾT

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

a. Đề cao vai trò chủ thể học tập của học sinh, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bồi dưỡng phương pháp học tập, năng lực tự học để học sinh có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hoá cần thiết cho bản thân.

b. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện cụ thể. Phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến đề cao vai trò chủ thể học tập của học sinh (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...). Đa dạng hoá và sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: Kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, học ngoài thực địa, học theo dự án học tập,... Chú trọng các phương pháp dạy học có tính đặc trưng môn học.

c. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các thiết bị dạy học như: mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...; bản đồ, sơ đồ, các bản thống kê, so sánh,...; phim video; các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; phần mềm dạy học,... nhằm minh họa bài giảng của giáo viên và hỗ trợ các hoạt động học tập của học sinh.

2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh

a. Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua nội dung môn học và các hoạt động thu thập, phân tích dữ liệu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa, tiếp xúc với các nhân chứng lịch sử,... hình thành và bồi dưỡng cho học sinh nhận thức và tình cảm về lịch sử nhân loại, về quá trình đấu tranh giữ đất và giữ nước của người dân Kiên Giang, về mối quan hệ giữa xã hội và môi trường, về sự lựa chọn các con đường phát triển của đất nước, về đất và người Kiên Giang. Từ đó, hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất yêu nước, yêu quê hương, yêu thiên nhiên; ý thức, niềm tin và hành động trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, bảo vệ di sản văn hoá nhân loại; biết yêu quý người lao động, tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau, rèn luyện sự tự tin, trung thực, khách quan.

b. Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học được hình thành, phát triển ở học sinh thông qua việc tự tổ chức, quản lí các hoạt động học tập; tự tìm kiếm, tổ chức và phân tích nguồn thông tin, tri thức bổ sung; đặt và trả lời các câu hỏi lịch sử và địa lí; thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa và trong các tình huống làm việc độc lập khác.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác được hình thành và phát triển ở học sinh thông qua việc phối hợp cùng các thành viên khác trong nhóm, trong lớp; thực hiện những nhiệm vụ được phân công trong học tập, thảo luận, nghiên cứu, tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa,...

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành, phát triển ở học sinh thông qua việc thực hiện các hoạt động học tập tích cực, như: Nghiên cứu tài liệu, thu thập và phân tích tư liệu, làm dự án nghiên cứu, thuyết trình, tranh luận,...

3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực

a. Phương pháp hình thành, phát triển năng lực văn hóa



- Các hoạt động tổ chức dạy học văn hóa cần đa dạng và linh hoạt nhằm cho học sinh khám phá những đặc thù văn hóa của từng dân tộc, vùng miền, khu vực. Lĩnh vực văn hóa cần đề cao vai trò của học sinh với tư cách là người chủ động tham gia các hoạt động dạy học, tự tìm tòi khám phá và trải nghiệm.

- Lựa chọn những vấn đề cốt lõi để giảng dạy nhằm cho học sinh nhận diện được các giá trị cơ bản của văn hóa. Chú trọng phương pháp gợi mở để khơi gợi sự tìm tòi sáng tạo cho học sinh, tránh áp đặt theo chủ quan của người dạy. Khuyến khích các hình thức nghiên cứu, sưu tầm, thuyết trình, trình diễn trong quá trình dạy học. Chú trọng phương pháp thực hành và trải nghiệm hoạt động văn hóa.

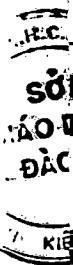
b. Phương pháp hình thành, phát triển năng lực xã hội

- Thông qua nội dung môn học và các hoạt động thu thập, phân tích dữ liệu, tham quan dã ngoại... hình thành và bồi dưỡng ở học sinh nhận thức về các vấn đề giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kĩ năng sống và các chính sách an sinh của tỉnh Kiên Giang. Từ đó, hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất yêu nước, trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ, nhân ái.

- Năng lực tự chủ và tự học được hình thành, phát triển ở học sinh thông qua việc tự tổ chức, quản lí các hoạt động học tập; tự tìm kiếm, tổ chức và phân tích nguồn thông tin, tri thức bổ sung. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành, phát triển ở học sinh thông qua việc thực hiện các hoạt động học tập tích cực như: Nghiên cứu tài liệu, thu thập và phân tích tư liệu, làm dự án nghiên cứu, thuyết trình, tranh luận,...

c. Phương pháp hình thành, phát triển năng lực lịch sử

Năng lực lịch sử của học sinh được hình thành, phát triển thông qua việc tổ chức, hướng dẫn học sinh đọc hiểu, giải mã các văn bản lịch sử (kênh hình, kênh chữ, hiện vật lịch sử,...), từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức sự thật lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự tiến hoá của sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử và quá trình phát triển lịch sử; trở thành “người đóng vai lịch sử”, hay “người làm lịch sử” để khám phá kiến thức lịch sử, vận dụng sáng tạo những hiểu biết về lịch sử,



văn hoá, xã hội Việt Nam và thế giới vào các tình huống học tập và thực tiễn cuộc sống.

d. Phương pháp hình thành, phát triển năng lực địa lí

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho học sinh, giáo viên lựa chọn các kiến thức thực tế tiêu biểu, sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan như mô hình, bản đồ, video clip,... để hình thành các biểu tượng địa lí;... hướng dẫn học sinh học từ thấp đến cao về các mối liên hệ và quan hệ nhân quả diễn ra trong thiên nhiên, trong xã hội và trong mối quan hệ giữa xã hội, con người và môi trường.

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho học sinh, giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia vào quá trình tìm kiếm, sắp xếp, phân tích thông tin bằng cách khai thác tri thức từ các nguồn tư liệu bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu,... kết hợp với quan sát thực địa; chú trọng phát triển tư duy không gian, với các câu hỏi: “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Như thế nào?”, “Các hình mẫu không gian?”, “Các đặc trưng của một địa phương, quốc gia?”; khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết, khám phá của học sinh đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, thái độ tích cực đối với phát triển bền vững; rèn luyện khả năng và thói quen liên hệ với thực tế địa phương, đất nước để phát triển tư duy địa lí;...

Một trong những biện pháp quan trọng nhất để học địa lí là rèn luyện kỹ năng sử dụng các công cụ học tập như: Bản đồ, atlas, biểu đồ, bảng số liệu thống kê, một số ứng dụng trong điện thoại như la bàn, bản đồ chỉ đường, hệ thống định vị toàn cầu, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế,... tranh ảnh, đĩa DVD tra cứu các tài liệu đa phương thức, sách e-book,... Các hình thức tổ chức dạy học cũng cần được đa dạng hoá: Kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, trên thực địa, học theo dự án học tập,...

đ. Phương pháp hình thành, phát triển năng lực kinh tế

Để phát triển thành phần năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học về kinh tế, học sinh cần được tạo cơ hội để cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, tiếp cận với các tình huống thực tiễn, thực hiện các chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn; vận dụng

được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp. Giáo viên cần quan tâm rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phát hiện vấn đề, lập kế hoạch nghiên cứu, giải quyết vấn đề, đánh giá kết quả giải quyết vấn đề, nêu giải pháp khắc phục hoặc cải tiến, tăng cường sử dụng các bài tập đòi hỏi vận dụng kiến thức thực tế và tư duy phản biện, sáng tạo.

e. Phương pháp hình thành, phát triển năng lực môi trường

- Tạo cho học sinh cơ hội huy động những hiểu biết, kinh nghiệm sẵn có để tham gia hình thành kiến thức mới. Chú ý tổ chức các hoạt động, trong đó học sinh có thể diễn đạt hiểu biết bằng cách riêng; vận dụng kiến thức đã được học để giải thích các sự vật, hiện tượng hay giải quyết vấn đề đơn giản; qua đó, kết nối được kiến thức mới với hệ thống kiến thức, đặc biệt kiến thức về môi trường và thiên nhiên.

- Tạo điều kiện để học sinh đưa ra câu hỏi, vấn đề cần tìm hiểu; tạo cho học sinh cơ hội tham gia quá trình hình thành kiến thức mới, đề xuất giả thuyết; thu thập bằng chứng, phân tích để rút ra kết luận, đánh giá kết quả thu được. Dựa vào một số phương pháp dạy học như: trải nghiệm, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học dự án,... giáo viên có thể tổ chức cho học sinh tự tìm các bằng chứng để kiểm tra kiến thức thông qua việc tham quan thực tế, hoặc tìm kiếm, thu thập thông tin qua sách, Internet, điều tra, phân tích, xử lí thông tin để kiểm tra lí thuyết.

- Tạo cơ hội đề xuất hoặc tiếp cận với các tình huống thực tiễn, tìm kiếm, giải thích, trình bày thông tin, lập luận và đưa ra giải pháp trên cơ sở kiến thức, kĩ năng sống đã học; học sinh cần được quan tâm rèn luyện các kĩ năng: phát hiện vấn đề, lập kế hoạch nghiên cứu, giải quyết vấn đề (thu thập, trình bày thông tin, xử lí thông tin để rút ra kết luận), đánh giá kết quả giải quyết vấn đề, nêu giải pháp khắc phục hoặc cải tiến. Cần quan tâm sử dụng các bài tập đòi hỏi tư duy phản biện, sáng tạo (câu hỏi mở, có nhiều cách giải, gắn kết với sự phản hồi trong quá trình học).

g. Phương pháp hình thành, phát triển năng lực hướng nghiệp

- Tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm thế giới tự nhiên, thực tế cuộc sống và công việc, giúp học sinh



khám phá những điều mới lạ, tìm hiểu, phát hiện vấn đề từ môi trường xung quanh, bồi dưỡng những cảm xúc tích cực và tình yêu quê hương đất nước. Nhóm phương thức tổ chức này bao gồm các hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa và các phương thức tương tự khác.

- Tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh giao lưu, tác nghiệp và thể nghiệm ý tưởng như diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi và các phương thức tương tự khác.

- Tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh mang lại những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế của mình thông qua các hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền và các phương thức tương tự khác.

- Tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nhờ cảm hứng từ những trải nghiệm thực tế, qua đó đề xuất những biện pháp giải quyết vấn đề một cách khoa học. Nhóm hình thức tổ chức này bao gồm các hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ, nghệ thuật và các phương thức tương tự khác.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Đánh giá kết quả giáo dục trong nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của nội dung GDĐP tỉnh Kiên Giang và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh.

2. Căn cứ đánh giá là yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của nội dung GDĐP được quy định trong Chương trình tổng thể và nội dung GDĐP.

3. Bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng thực hành của học sinh như: làm việc với bản đồ, atlas, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình



huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức nội dung GDP làm trung tâm của việc đánh giá.

4. Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để học sinh được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

5. Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

VIII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

a. Thuật ngữ Văn hóa

- *Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ*: Những hình ảnh, số liệu, đồ thị, bảng biểu,... góp phần biểu nghĩa trong giao tiếp.
- *Thể loại văn học*: Mỗi loại văn bản văn học bao gồm nhiều thể loại như: Thần thoại, cổ tích, truyền thuyết, câu đố...
- *Văn hóa*: “Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội.” (Trần Ngọc Thêm (1997), cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, tr.10).

- *Lời nói vắn*: “Lời nói vắn nằm trong ranh giới giữa ngôn ngữ tự nhiên và ngôn ngữ văn chương, vừa là lời nói hằng ngày vừa được tổng kết lại như một dạng phương ngôn. Trong lời nói vắn những hình thức ví von, so sánh, lối nói giàu hình ảnh nhịp điệu là đặc trưng nổi bật... Lời nói vắn thường gồm một vài dòng, tạo thành cụm câu mang nghĩa trọn vẹn, cấu trúc hài hòa, cân xứng. Tên gọi của nó xác định đây là hình thức lời nói có vần điệu thường là chữ cuối cùng của dòng trên hợp vần với một chữ ở giữa dòng tiếp theo.” (Nguyễn Việt Hùng (2012), “Folklore ngôn từ người Mônông-những quan sát bước đầu”, Tạp chí Nguồn sáng dân gian, số 01).

- *Di tích lịch sử - văn hóa*: Là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. (Điều 4, Luật Di sản văn hóa hợp nhất 2013).

- *Danh lam thắng cảnh*: Là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học. (Điều 4, Luật Di sản văn hóa hợp nhất 2013).

b. Thuật ngữ Xã hội

- *Văn hóa ứng xử*: Văn hóa ứng xử là một biểu hiện của giao tiếp, là sự phản ứng của con người trước sự tác động của người khác với mình trong một tình huống nhất định được thể hiện qua thái độ, hành vi, cử chỉ, cách nói năng của con người nhằm đạt kết quả tốt trong mối quan hệ giữa con người với nhau. Văn hóa ứng xử chính là những đặc điểm tính cách của cá nhân được thể hiện qua thái độ, hành vi, cử chỉ, lời nói của từng cá nhân trong giao tiếp xã hội.

- *Hành vi*: Là một chuỗi các hành động lặp đi lặp lại.

- *Thái độ*: Thái độ là một trạng thái cảm xúc được thể hiện thành hành vi của con người. Thông qua các hành vi về mặt cử chỉ, lời nói, hành động, cử chỉ và nét mặt; họ thực hiện việc phát biểu, nhận xét và đánh giá, cũng như phản ứng với thế giới xung quanh.

- *Hủ tục*: Là phong tục, tập quán đã lỗi thời, lạc hậu.

- *Quy tắc ứng xử*: Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức... trong thi hành nhiệm vụ và trong quan hệ xã hội do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phù hợp với đặc thù công việc trong từng lĩnh vực hoạt động và được công khai để nhân dân giám sát việc chấp hành.

- *Đạo đức*: Đạo đức là hệ thống quy tắc, chuẩn mực xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng, xã hội.

- *Chuẩn mực đạo đức*: Là một hệ thống các nguyên tắc có ảnh hưởng chi phối hành vi đạo đức được chấp nhận bởi xã hội.



Chúng là hệ thống các phương pháp, cách thức thực hiện một việc gì đó theo một quy tắc chính thức được chấp nhận rộng rãi và có tác dụng điều chỉnh hành vi xã hội của một cá nhân, nhóm người hay xã hội.

- *Hành vi đạo đức*: Là những cử chỉ, những việc làm của con người trong các mối quan hệ xã hội phù hợp với ý thức đạo đức, với các chuẩn mực và các giá trị đạo đức.

- *Pháp luật*: Là hệ thống những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

- *Tệ nạn xã hội*: Là một hiện tượng xã hội tiêu cực, có tính phổ biến, biểu hiện bằng những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức và gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống cộng đồng.

- *Ma túy*: Là những chất gây nghiện có nguồn gốc tự nhiên hay tổng hợp, khi vào cơ thể (đường hút, uống, ngậm, chích) gây ức chế hay kích hệ thần kinh trung ương, làm giảm đau, gây ảo giác, sáng khoái, gây cho người nghiện ham muốn không kìm chế được, phải tăng liều để thoả mãn cơn thèm.

- *Bạo lực học đường*: *Bạo lực học đường* là những hành vi cố ý sử dụng vũ lực hoặc quyền lực của học sinh hoặc giáo viên đối với những học sinh, giáo viên hoặc những người khác và ngược lại. Đó có thể là những hành vi bạo lực về thể xác, tinh thần, tình dục, ngôn ngữ ...có thể gây ra tổn thương về mặt tinh thần hoặc thể xác.

- *Kĩ năng thích ứng*: Là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua một loạt biện pháp công cộng, nhằm chống lại những khó khăn về kinh tế và xã hội do bị ngừng hoặc giảm thu nhập, gây ra bởi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết; đồng thời đảm bảo các chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con.

- *Bảo hiểm xã hội*: Là một trong những chính sách an sinh hữu ích đối với người lao động. Con người muốn tồn tại và phát triển cần có hoạt động lao động do đó xuất hiện mối quan hệ giữa người lao động và đơn vị sử dụng lao động. Ngoài tiền lương hàng tháng thì đơn vị sử dụng lao động sẽ phải chi trả một khoản tiền khi người lao động ốm đau hay mất việc.



- *Bảo hiểm y tế*: Là một trong những chính sách an sinh xã hội tốt nhất hiện nay cho người lao động khi thăm, khám chữa bệnh.

- *Bảo hiểm thất nghiệp*: Là một chế độ nhằm bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì việc làm, tìm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp (khoản 4, điều 3, Luật việc làm 2013).

c. Thuật ngữ Lịch sử

- *Nguyên thủy*: Thời kì đầu tiên của xã hội, bắt đầu từ khi con người và xã hội xuất hiện đến lúc xã hội phân chia thành giai cấp và nhà nước ra đời.

- *Các dân tộc tại chỗ*: Là các dân tộc ít người đã sinh sống từ lâu đời trên địa bàn Kiên Giang.

d. Thuật ngữ Địa lí

- *Địa lí tự nhiên*: Là một nhánh chính của khoa học địa lí, nghiên cứu một cách tổng hợp các thành phần cấu thành nên vỏ địa lí của Trái Đất cũng như các bộ phận riêng biệt của Trái Đất. Địa lí tự nhiên thường được phân chia thành địa lí tự nhiên đại cương nghiên cứu các quy luật chung của vỏ địa lí và các khoa học địa lí tự nhiên bộ phận nghiên cứu các địa quyển (như Địa mạo học nghiên cứu về địa hình; Khí hậu học và Khí tượng học nghiên cứu về khí quyển; Thủy văn học nghiên cứu về sông, hồ, nước ngầm; Thổ nhưỡng học nghiên cứu về lớp đất; Địa lí sinh vật nghiên cứu về các quần xã thực vật và động vật, các hệ sinh thái,...). Các địa hệ thống (các tổng hợp thể lãnh thổ địa lí tự nhiên) là đối tượng nghiên cứu của Cảnh quan học và phân vùng địa lí tự nhiên.

- *Địa lí kinh tế - xã hội*: Là một nhánh chính của khoa học địa lí, nghiên cứu sự tổ chức lãnh thổ đời sống xã hội ở các nước, các vùng, các địa phương khác nhau. Địa lí kinh tế - xã hội bao gồm địa lí dân cư, địa lí kinh tế và địa lí xã hội.

- *Địa lí dân cư*: Là một khoa học trong địa lí kinh tế - xã hội, nghiên cứu các quy luật và các đặc điểm không gian hình



thành và phát triển của cơ cấu dân cư hiện đại và của các điểm dân cư trong các điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế và xã hội khác nhau.

- *Các công cụ địa lí*: Là các phương tiện được sử dụng trong quá trình học tập, nghiên cứu địa lí. Số lượng công cụ địa lí ngày càng nhiều hơn, đặc biệt trong điều kiện của cách mạng công nghệ. Trong học tập địa lí, các công cụ sau đây được sử dụng rộng rãi: Atlas địa lí và các loại bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, dụng cụ học tập ngoài trời,... Kỹ năng sử dụng các công cụ địa lí là một trong những nền tảng quan trọng để hình thành các năng lực địa lí.

đ. Thuật ngữ Kinh tế

- *Làng nghề*: Là một đơn vị hành chính cổ xưa mà cũng có nghĩa là một nơi quần cư đông người, sinh hoạt có tổ chức, có kỉ cương tập quán riêng theo nghĩa rộng. Làng nghề không những là một làng sống chuyên nghề mà cũng có hàm ý là những người cùng nghề sống hợp quần thể để phát triển công ăn việc làm.

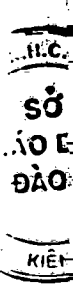
- *Năng lượng tái tạo*: Là năng lượng từ những nguồn liên tục mà theo chuẩn mực của con người là vô hạn như năng lượng mặt trời, gió, mưa, thủy triều, sóng và địa nhiệt.

- *Khu kinh tế cửa khẩu*: Là một không gian kinh tế xác định, gắn với cửa khẩu quốc tế hay cửa khẩu chính của quốc gia, có dân cư sinh sống và được áp dụng những cơ chế, chính sách phát triển đặc thù, phù hợp với đặc điểm từng địa phương sở tại nhằm mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

e. Thuật ngữ Môi trường

- *Môi trường*: Là tập hợp tất cả các yếu tố tự nhiên và nhân tạo bao quanh con người, ảnh hưởng tới con người và tác động đến các hoạt động sống của con người như: không khí, nước, độ ẩm, sinh vật, xã hội loài người và các thể chế.

- *Ô nhiễm môi trường*: Là hiện tượng môi trường tự nhiên bị bẩn, đồng thời các tính chất vật lí, hóa học, sinh học của môi trường bị thay đổi gây tác hại tới sức khỏe con người và các sinh vật khác.



- *Biến đổi khí hậu*: Đề cập đến sự thay đổi trạng thái của khí hậu có thể được xác định (ví dụ: Bằng cách sử dụng các kiểm tra thống kê) bằng các thay đổi về trung bình hoặc sự biến đổi của các tính chất của nó và tồn tại trong một thời gian dài, thường là hàng thập kỷ hoặc lâu hơn. Biến đổi khí hậu có thể là do các quá trình tự nhiên hoặc các tác động bên ngoài như chu kỳ mặt trời, phun trào núi lửa và thay đổi nhân tạo liên tục trong thành phần của khí quyển hoặc sử dụng đất (IPCC). UNFCCC định nghĩa “biến đổi khí hậu là một sự thay đổi của khí hậu được quy cho trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của con người làm thay đổi thành phần của khí quyển toàn cầu và ngoài sự biến đổi khí hậu tự nhiên quan sát được trong các khoảng thời gian so sánh”.

- *Đa dạng sinh học*: Là sự phong phú về nguồn gen, về giống, loài sinh vật và hệ sinh thái trong tự nhiên.

g. *Thuật ngữ Hướng nghiệp*

- *Hướng nghiệp*: Là các hoạt động giáo dục nhằm hỗ trợ học sinh chọn lựa nghề nghiệp phù hợp với khả năng của cá nhân, đồng thời đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các lĩnh vực nghề nghiệp (thị trường lao động) ở cấp độ địa phương và quốc gia.

2. Từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng các yêu cầu cần đạt

Nội dung GDĐP cấp THPT sử dụng một số động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh. Một số động từ được sử dụng ở các mức độ khác nhau nhưng trong mỗi trường hợp thể hiện một hành động có đối tượng và yêu cầu cụ thể. Trong bảng liệt kê dưới đây, đối tượng, yêu cầu cụ thể của mỗi hành động được chỉ dẫn bằng các từ ngữ khác nhau đặt trong ngoặc đơn.

Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận, ra đề kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng liệt kê hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học sinh.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
Biết	- Kể tên được; nêu được; phát biểu được định nghĩa; liệt kê được; ghi lại/kể lại được; đưa ra được dẫn chứng; lấy ví dụ chứng minh,... - Xác định được; đặt đúng vị trí; điền; nối; nối cặp,... - Tìm kiếm thông tin; tìm kiếm,...
Hiểu	- Trình bày được; nêu/trình bày được; đọc bản đồ, mô tả hình vẽ, sơ đồ; vẽ biểu đồ đơn giản; lập được; mô tả được; sử dụng lược đồ, sơ đồ; giới thiệu được,... - Phân tích được tác động, mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả; phân tích được nguyên nhân thành công hay thất bại trình bày được mối quan hệ các hiện tượng và đối tượng,... - Phân biệt được; xếp thứ tự từ cao xuống thấp; nhận định; phân nhóm/lựa chọn được các đối tượng; đánh giá được,...
Vận dụng	- Xác định; tìm hiểu về một vấn đề, một chủ đề lịch sử và địa lí; liên hệ thực tế địa phương; đặt câu hỏi về một vấn đề; khám phá,... - Trình bày được một số biện pháp; vận dụng được điều đã học vào trường hợp cụ thể, hoàn cảnh cụ thể; đề xuất được (giải pháp); đưa ra được (khuyến nghị). - Xây dựng/vẽ được lược đồ trí nhớ để tổng kết nội dung bài học, biểu đồ thích hợp, sơ đồ hoá một hiện tượng, quá trình, mối quan hệ nhân quả; xây dựng được hồ sơ tư liệu về một vấn đề; đọc Atlas khai thác thông tin từ các trang bản đồ khác nhau để trình bày được một vấn đề về sự phát triển và phân bố một ngành kinh tế, về đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của một lãnh thổ; viết được một báo cáo ngắn trên cơ sở thu thập và phân tích, tổng hợp thông tin từ các nguồn khác nhau; thuyết trình được về một vấn đề bằng PowerPoint (là kết quả làm việc cá nhân hay làm việc nhóm); tranh luận (về một vấn đề); lên kế hoạch (một chuyến tham quan học tập trong ngày dưới sự chỉ dẫn của giáo viên); thiết kế được (một áp phích về bảo vệ môi trường),...



3. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng dành cho môn học là 35 tiết/lớp/năm học. Số tiết dành cho các lĩnh vực trong bảng sau:

Khối lớp	Văn hóa	Lịch sử	Địa lí	Kinh tế	Hướng nghiệp	Chính trị - Xã hội	Môi trường	Hướng dẫn ôn tập	Tổng số tiết/khối
Lớp 10	6	6	3	3	6	3	4	4	35
Lớp 11	6	6	3	3	6	3	4	4	35
Lớp 12	6	6	3	3	6	3	4	4	35
Tổng	18	18	9	9	18	9	12	12	105

4. Yêu cầu lựa chọn tài liệu, thiết bị dạy học

- Lĩnh vực Văn hóa:

+ Sử dụng nguồn tài liệu chính thống được thẩm định về mặt khoa học và được nhiều người công nhận như Luật Di sản văn hóa, các văn bản pháp quy về văn hóa, các giáo trình cơ sở văn hóa hiện hành, địa chí Kiên Giang, cập nhật số liệu thống kê của cơ quan thống kê tỉnh;

+ Sử dụng tranh ảnh, phim, video, audio về văn hóa được trưng bày trong các bảo tàng quốc gia và địa phương. Các tài liệu, tranh ảnh sưu tầm về văn hóa địa phương cần được thẩm định trước khi đưa vào dạy học;

+ Tài liệu phù hợp với yêu cầu nội dung và thời lượng học tập được quy định chương trình;

+ Khuyến khích học sinh sưu tầm tài liệu, hiện vật, tác phẩm văn học dân gian địa phương.

- Lĩnh vực Xã hội:

+ Tranh ảnh, tư liệu, số liệu, trang website, các sơ đồ, lược đồ, các video clip được biên tập cho mục đích giáo dục, phù



hợp với nội dung của từng chủ đề;

+ Sách, báo, tạp chí khoa học giáo dục, cẩm nang truyện tranh giáo dục giới tính, dân số.

- Lĩnh vực Lịch sử:

+ Các bản đồ (hành chính tỉnh Kiên Giang, Việt Nam) phù hợp với nội dung từng chủ đề của từng lớp học và phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh; bản đồ đường đến các di tích liên quan trong chương trình.

+ Tranh lịch sử, ảnh tư liệu (về hiện vật, di tích, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử...).

- Lĩnh vực Địa lí:

+ Các bản đồ giáo khoa treo tường (tỉnh, huyện, thị xã, thành phố) phù hợp với nội dung từng chủ đề của từng lớp học và phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh;

+ Các tranh ảnh (in trên giấy, hình digital tĩnh và động), các sơ đồ, lược đồ, các video clip được biên tập cho mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung của từng chủ đề;

+ Các dụng cụ, thiết bị thông thường để quan sát tự nhiên (địa bàn, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế).

- Lĩnh vực Kinh tế:

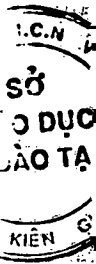
+ Tài liệu, tư liệu (niên giám thống kê, số liệu kinh tế - xã hội,...);

+ Tranh ảnh về các sự vật, hiện tượng kinh tế - xã hội;

+ Mô hình, mẫu vật.

- Lĩnh vực Môi trường:

+ Tranh, ảnh: Các cuộc thi ảnh về môi trường và con người,...;



+ Video clip: Các hiện tượng biến đổi khí hậu, tác động của ô nhiễm môi trường đến đời sống, công tác bảo tồn đa dạng sinh học của địa phương,...;

+ Tiêu bản: Về các loài thực vật, động vật địa phương;

+ Các công cụ hỗ trợ giảng dạy hiệu quả.

- Lĩnh vực Hướng nghiệp:

+ Đồ dùng để trình diễn, hướng dẫn: Video clip về các nội dung giáo dục, phần mềm về hướng nghiệp, dụng cụ lao động phù hợp với hoạt động lao động;

+ Đồ dùng để thực hành: Bộ tranh ảnh về quần áo, giày dép,... theo mùa, theo giới tính, theo lứa tuổi của học sinh; bộ tranh ảnh về trang phục các nghề khác nhau trên thế giới; bộ tranh về các nghề, làng nghề truyền thống; bảng trắc nghiệm nhân cách; dụng cụ lao động phù hợp với hoạt động lao động;

+ Đồ dùng khác phù hợp với chủ đề hoạt động cụ thể.

